



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.1540/26.02.2025

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP-Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.154
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 24/01/2025 Thời gian thử nghiệm : 24/01/2025 - 26/02/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 21:2009/BTNMT
				KT	Cột B, Kp=0,8; Kv=1
1	Lưu lượng ⁽¹⁾	-	m ³ /h	763.000	-
2	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	62	-
3	Bụi tổng (PM) ^(e)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	22	160
4	NH ₃	JIS K 0099:2020	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,6)	40
5	Fomaldehyt*	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,3)	-

- Vị trí lấy mẫu:

- KT: Khí thải tháp tạo hạt.

Tọa độ: X= 1171542, Y= 421866

- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học

- Cột B, Kp=0,8; Kv=1: Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với: Các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hoá học bắt đầu hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các nhà máy cơ sở sản xuất phân bón với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- (e): Ống khói không thuộc phạm vi thực hiện quan trắc, phân tích theo US EPA Method 05. Chỉ tiêu thực hiện theo yêu cầu khách hàng, kết quả mang tính chất tham khảo, không phục vụ cho đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng.

- (1): Ống khói không thuộc phạm vi thực hiện quan trắc. Kết quả do khách hàng cung cấp mang tính chất tham khảo, không phục vụ cho đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng.

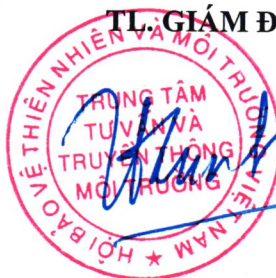
- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty cổ phần môi trường Đại Nam - Số Vimcerts 288);

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Chu Thị Chi



PHÓ GIÁM ĐỐC

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- 3 "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.cec.org.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_N.1677/28.02.2025

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP-Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.167
Loại mẫu : Nước mặt
Thời gian lấy mẫu : 11/02/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM01	Bảng 2 - Mức C
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,6	$6 \div 8,5$
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ^(a)	TCVN 7325:2016	mg/L	6,8	$\geq 4,0$
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	SMEWW 5220C:2023	mg/L	239	≤ 20
4	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ *	TCVN 6001-1:2021	mg/L	92	≤ 10
5	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)*	SMEWW 4500-NH3-B&F:2023	mg/L	1,54	0,3 ⁽¹⁾
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	SMEWW 2540D:2023	mg/L	36	> 100 và Không có rác nổi
7	Nitrit (NO ₂ ⁻ _N)*	SMEWW 4500-NO2-.B:2023	mg/L	0,037	0,05 ⁽¹⁾
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)*	SMEWW 4500-NO3-.E:2023	mg/L	0,25	-
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)*	TCVN 6202:2008	mg/L	0,028	-
10	Clorua (Cl ⁻)*	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	mg/L	15,187	250 ⁽¹⁾
11	Florua (F ⁻)*	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	mg/L	1,84	1 ⁽¹⁾
12	Xyanua (CN ⁻)*	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	mg/L	<0,0015	0,01 ⁽¹⁾
13	Tổng Phenol*	TCVN 6216:1996	mg/L	<0,001	0,005 ⁽¹⁾
14	Mangan (Mn)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,03	0,1 ⁽¹⁾
15	Sắt (Fe)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,65	0,5 ⁽¹⁾
16	Crom VI (Cr ⁶⁺)*	SMEWW 3500-Cr.B:2023	mg/L	<0,003	0,01 ⁽¹⁾
17	Tổng Crom*	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,002	0,05 ⁽¹⁾
18	Đồng (Cu)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,03	0,1 ⁽¹⁾
19	Kẽm (Zn)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,02	0,5 ⁽¹⁾

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- "-": Không quy định
- KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM01	Bảng 2 - Mức C
20	Niken (Ni)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,002	0,1 ⁽¹⁾
21	Thủy ngân (Hg)*	SMEWW 3112B:2017	mg/L	<0,0003	0,001 ⁽¹⁾
22	Chì (Pb)*	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,002	0,02 ⁽¹⁾
23	Cadimi (Cd)*	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,0002	0,005 ⁽¹⁾
24	Asen (As)*	SMEWW 3114B:2023	mg/L	<0,0005	0,01 ⁽¹⁾
25	Hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (Aldrine)*	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D	µg/L	<0,006	0,1 ⁽¹⁾
26	Benzene hexachloride (BHC)*	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D	µg/L	<0,006	-
27	Diendrine*	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D	µg/L	<0,006	0,1 ⁽¹⁾
28	Heptachlor & Heptachlorepoxyde*	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	µg/L	<0,006	0,2 ⁽¹⁾
29	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs)*	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D	µg/L	<0,006	-
30	Tổng dầu mỡ*	SMEWW 5520B:2023	mg/L	<1,2	5 ⁽¹⁾
31	Chất hoạt động bề mặt anion*	SMEWW 5540B&C:2023	mg/L	< 0,022	0,1 ⁽¹⁾
32	Tổng cacbon hữu cơ (TOC)**	TCVN 6634:2000	mg/L	7,6	≤ 8
33	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha*	TCVN 6053:2021	Bq/L	< 0,010	0,1 ⁽¹⁾
34	Tổng hoạt độ phóng xạ beta*	TCVN 6219:2021	Bq/L	< 0,30	1 ⁽¹⁾
35	Coliform*	SMEWW 9221B:2023	MPN/100mL	460	≤ 7.500
36	E.Coli*	SMEWW 9221B&F:2023	MPN/100mL	2	20 ⁽¹⁾

- Vị trí lấy mẫu:

- NM01: Nước sông Thị Vải Cách điểm xả 100m về phía thượng lưu sông Thị Vải.

Tọa độ: X= 1171863, Y= 0420389

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Bảng 2 - Mức C: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước. Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- ⁽¹⁾**Bảng 1:** Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người
- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;
- * Chỉ tiêu thực hiện bởi TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM - VIMCERTS 075
- ** Chỉ tiêu thực hiện bởi (Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - số Vimcerts 079);

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

Chu Thị Chi

TU GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Liên Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- 3 "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_N.1678/28.02.2025

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP-Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.167
Loại mẫu : Nước mặt
Thời gian lấy mẫu : 11/02/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM02	Bảng 2 - Mức C
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,5	$6 \div 8,5$
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ^(a)	TCVN 7325:2016	mg/L	6,9	$\geq 4,0$
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	SMEWW 5220C:2023	mg/L	224	≤ 20
4	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ *	TCVN 6001-1:2021	mg/L	84	≤ 10
5	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)*	SMEWW 4500-NH3-B&F:2023	mg/L	1,36	0,3 ⁽¹⁾
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	SMEWW 2540D:2023	mg/L	40	> 100 và Không có rác nổi
7	Nitrit (NO ₂ ⁻ _N)*	SMEWW 4500-NO2-.B:2023	mg/L	0,043	0,05 ⁽¹⁾
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)*	SMEWW 4500-NO3-.E:2023	mg/L	0,25	-
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)*	TCVN 6202:2008	mg/L	0,048	-
10	Clorua (Cl)*	SMEWW 4500-Cl-.B:2023	mg/L	15.087	250 ⁽¹⁾
11	Florua (F)*	SMEWW 4500-F-.B&D:2023	mg/L	1,91	1 ⁽¹⁾
12	Xyanua (CN)*	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023	mg/L	<0,0015	0,01 ⁽¹⁾
13	Tổng Phenol*	TCVN 6216:1996	mg/L	<0,001	0,005 ⁽¹⁾
14	Mangan (Mn)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,03	0,1 ⁽¹⁾
15	Sắt (Fe)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,55	0,5 ⁽¹⁾
16	Crom VI (Cr ⁶⁺)*	SMEWW 3500-Cr.B:2023	mg/L	<0,003	0,01 ⁽¹⁾
17	Tổng Crom*	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,002	0,05 ⁽¹⁾
18	Đồng (Cu)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,03	0,1 ⁽¹⁾
19	Kẽm (Zn)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,02	0,5 ⁽¹⁾

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- "-": Không quy định
- KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.cec.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM02	Bảng 2 - Mức C
20	Niken (Ni)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,002	0,1 ⁽¹⁾
21	Thủy ngân (Hg)*	SMEWW 3112B:2017	mg/L	<0,0003	0,001 ⁽¹⁾
22	Chì (Pb)*	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,002	0,02 ⁽¹⁾
23	Cadimi (Cd)*	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,0002	0,005 ⁽¹⁾
24	Asen (As)*	SMEWW 3114B:2023	mg/L	<0,0005	0,01 ⁽¹⁾
25	Hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (Aldrine)*	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D	µg/L	<0,006	0,1 ⁽¹⁾
26	Benzene hexachloride (BHC)*	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D	µg/L	<0,006	-
27	Diendrine*	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D	µg/L	<0,006	0,1 ⁽¹⁾
28	Heptachlor & Heptachlorepoxyde*	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	µg/L	<0,006	0,2 ⁽¹⁾
29	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs)*	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D	µg/L	<0,006	-
30	Tổng dầu mỡ*	SMEWW 5520B:2023	mg/L	<1,2	5 ⁽¹⁾
31	Chất hoạt động bề mặt anion*	SMEWW 5540B&C:2023	mg/L	< 0,022	0,1 ⁽¹⁾
32	Tổng cacbon hữu cơ (TOC)**	TCVN 6634:2000	mg/L	9,4	≤ 8
33	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha*	TCVN 6053:2021	Bq/L	<0,01	0,1 ⁽¹⁾
34	Tổng hoạt độ phóng xạ beta*	TCVN 6219:2021	Bq/L	<0,3	1 ⁽¹⁾
35	Coliform*	SMEWW 9221B:2023	MPN/100mL	490	≤ 7.500
36	E.Coli*	SMEWW 9221B&F:2023	MPN/100mL	4	20 ⁽¹⁾

- **Vị trí lấy mẫu:**

- **NM02:** Nước sông Thị Vải Cách điểm xả 100m về phía hạ lưu sông Thị Vải.

Tọa độ: X= 1171699, Y= 0420513

- **QCVN 08:2023/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- **Bảng 2 - Mức C:** Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước. Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ccca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

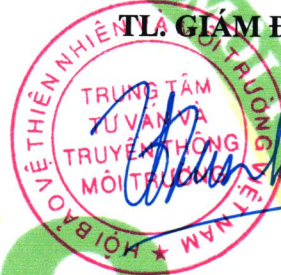
- ⁽¹⁾ **Bảng 1:** Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;
- * Chỉ tiêu thực hiện bởi TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM - VIMCERTS 075
- ** Chỉ tiêu thực hiện bởi (Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - số Vimcerts 079);

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Liên Minh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- 3 "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_N.1673/28.02.2025

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP-Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.165
Loại mẫu : Nước mặt
Thời gian lấy mẫu : 10/02/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM03	Bảng 2 - Mức C
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,5	6 ÷ 8,5
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	30,5	-
3	Độ màu*	SMEWW 2120C:2023	Pt/Co	6	-
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)*	SMEWW 5220C:2023	mg/L	263	≤ 20
5	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ *	TCVN 6001-1:2021	mg/L	87	≤ 10
6	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)*	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2023	mg/L	0,094	0,3 ⁽¹⁾
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	SMEWW 2540D:2023	mg/L	1	> 100 và Không có rác nổi
8	Florua (F)*	SMEWW 4500-F-B&D:2023	mg/L	1,97	1 ⁽¹⁾
9	Clo dư**	SMEWW 2550B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,2)	-
10	Tổng Photpho (P)*	TCVN 6202:2008	mg/L	0,12	≤ 0,5
11	Sunfua (S ²⁻)*	SMEWW 4500-S ²⁻ -B&D:2023	mg/L	<0,04	-
12	Tổng Nitơ (N)*	SMEWW 4500-N.C:2023	mg/L	8,9	-
13	Tổng Phenol*	TCVN 6216:1996	mg/L	<0,001	0,005 ⁽¹⁾
14	Mangan (Mn)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,097	0,1 ⁽¹⁾
15	Sắt (Fe)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,634	0,5 ⁽¹⁾
16	Crom III (Cr ³⁺)**	TCVN 6492:2011	mg/L	KPH (MDL=0,003)	-
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)*	SMEWW 3500 Cr.B:2023	mg/L	<0,003	0,01 ⁽¹⁾
18	Đồng (Cu)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,034	0,1 ⁽¹⁾
19	Kẽm (Zn)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,06	0,5 ⁽¹⁾
20	Niken (Ni)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,002	0,1 ⁽¹⁾
21	Thủy ngân (Hg)*	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0003	0,001 ⁽¹⁾

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- 3 "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM03	Bảng 2 - Mức C
22	Chì (Pb)*	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,002	0,02 ⁽¹⁾
23	Cadimi (Cd)*	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,0002	0,005 ⁽¹⁾
24	Asen (As)*	SMEWW 3114B:2023	mg/L	<0,0005	0,01 ⁽¹⁾
25	Coliform*	SMEWW 9221B:2023	MPN/100mL	220	≤ 7.500
26	Tổng dầu mỡ khoáng**	SMEWW 5530B&C:2023	mg/L	KPH (MDL=1)	-

- Vị trí lấy mẫu:

- NM03: Nước sông làm mát đầu vào.

Tọa độ: X= 1171858, Y= 0421585

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Bảng 2 - Mức C: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước. Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- ⁽¹⁾ Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM VIMCERTS 075

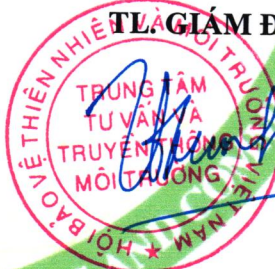
- ** Chỉ tiêu thực hiện bởi CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT VIMCERTS 286

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- 3 "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ.N.1681/28.02.2025

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP-Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.191
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 12/02/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT	Tiêu chuẩn KCN
				NT01	Cột B	Phú Mỹ 1
1	Lưu lượng	CEC.QTMT.N-09	m ³ /h	3.156	-	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,4	5,5 ÷ 9	5 ÷ 9
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	31,9	40	≤45
4	Độ màu*	SMEWW 2120C:2023	Pt/Co	6	150	700
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	SMEWW 2540D:2023	mg/L	46	100	300
6	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)*	TCVN 6001-1:2021	mg/L	87	50	500
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	SMEWW 5220C:2023	mg/L	224	150	800
8	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	TCVN 5988:1995	mg/L	1,66	10	20
9	Tổng Nitơ*	TCVN 6638:2000	mg/L	5,39	40	110
10	Tổng Phospho*	TCVN 6202:2008	mg/L	<0,01	6	28
11	Clo dư*	TCVN 6225-2:2021	mg/L	<0,03	2	2,4
12	Tổng Phenol*	SMEWW 5530B&C:2023	mg/L	<0,002	0,5	0,5
13	Florua (F ⁻)*	SMEWW 4500-F-B&D:2023	mg/L	2,09	10	10
14	Sunfua (S ²⁻)*	SMEWW 4500-S ²⁻ -B&D:2023	mg/L	<0,04	0,5	0,5
15	Sắt (Fe)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,80	5	120
16	Crom VI (Cr ⁶⁺)*	SMEWW 3500-Cr.B:2023	mg/L	<0,003	0,1	0,1
17	Crom III (Cr ³⁺)*	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500 Cr B:2023	mg/L	<0,003	1	1
18	Đồng (Cu)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,03	2	2
19	Kẽm (Zn)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,078	3	3
20	Niken (Ni)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,07	0,5	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- 3 "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT	Tiêu chuẩn KCN Phú Mỹ 1
				NT01	Cột B	
21	Thủy ngân (Hg)*	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0003	0,01	0,01
22	Cadimi (Cd)*	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,0002	0,1	0,1
23	Chì (Pb)*	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,003	0,5	0,5
24	Asen (As)*	SMEWW 3114B:2023	mg/L	<0,0005	0,1	0,1
25	Mangan (Mn)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,106	1	1
26	Tổng dầu mỡ khoáng*	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	<1,2	10	12
27	Coliform*	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	330	5.000	10x10 ⁷

- Vị trí lấy mẫu:

- NT01: Nước làm mát thải .

Tọa độ: X= 1172182, Y= 0421404

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- Tiêu chuẩn KCN Phú Mỹ 1: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Mỹ 1.

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM - VIMCERTS 075

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

TL GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- 3 "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_N.1674/28.02.2025

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP-Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.165
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 10/02/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT	Tiêu chuẩn KCN Phú Mỹ 1
				NT02	Cột B	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,3	5,5 ÷ 9	5 ÷ 9
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	31,8	40	≤45
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	SMEWW 2540D:2023	mg/L	<5	100	300
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)*	TCVN 6001-1:2021	mg/L	4	50	120
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	SMEWW 5220C:2023	mg/L	11	150	800
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	TCVN 5988:1995	mg/L	1,26	10	20
7	Tổng Nito*	TCVN 6638:2000	mg/L	20,87	40	110
8	Tổng Phospho*	TCVN 6202:2008	mg/L	1,3	6	28
9	Clo dư*	TCVN 6225-2:2021	mg/L	<0,03	2	2,4
10	Tổng Phenol*	SMEWW 5530B&C:2023	mg/L	0,003	0,5	0,5
11	Sắt (Fe)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,093	5	120
12	Đồng (Cu)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,03	2	2
13	Tổng dầu mỡ khoáng*	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	<1,2	10	2,4
14	Coliform*	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	<1,8	5.000	10x10 ⁷

- Vị trí lấy mẫu:

- NT02: Nước thải công nghiệp sau xử lý (vị trí bể BA8).

Tọa độ: X= 1171730, Y= 0421606

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- Tiêu chuẩn KCN Phú Mỹ 1: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Mỹ 1.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM - VIMCERTS 075

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC


Chu Thị Chi

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- 3 "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.1670/28.02.2025

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP-Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.165
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 10/02/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 21:2009/BTNMT Cột B, Kp=0,8; Kv=1
				KT01	
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	130	-
2	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=2,62)	400
3	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	2,07	680
4	Bụi tổng (PM)*	US EPA Method 5	mg/Nm ³	58,3	160

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT01:** Ống khói 10SK8001.

Tọa độ: X= 1171856, Y= 0421846

- **QCVN 21:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học

- **Cột B:** Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với: Các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hoá học bắt đầu hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các nhà máy cơ sở sản xuất phân bón với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty cổ phần môi trường Đại Nam - Số Vimcerts 288);

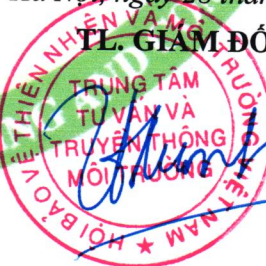
XÁC NHẬN CỦA PTN

(Chữ ký)

Chu Thị Chi

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Liễn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- 3 "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.1671/28.02.2025

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP-Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.165
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 10/02/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 21:2009/BTNMT Cột B, Kp=0,8; Kv=1
				KT02	
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	175	-
2	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=2,62)	400
3	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	2,20	680
4	Bụi tổng (PM)*	US EPA Method 5	mg/Nm ³	<18	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT02: Ống khói 10SK9001.

Tọa độ: X= 1171841, Y= 0421843

- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học

- Cột B: Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với: Các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hoá học bắt đầu hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các nhà máy cơ sở sản xuất phân bón với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty cổ phần môi trường Đại Nam - Số Vimcerts 288);

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Chu Thị Chi



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Liễn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- 3 "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.1672/28.02.2025

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP-Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.165
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 10/02/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 21:2009/BTNMT
				KT03	Cột B, Kp=0,8; Kv=1
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	220	-
2	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=2,62)	400
3	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	0,88	680
4	Bụi tổng (PM)*	US EPA Method 5	mg/Nm ³	32,2	160

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT03**: Ống khói 10SK2001.

Tọa độ: X= 1171854, Y= 0421887

- **QCVN 21:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học

- **Cột B**: Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với: Các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hoá học bắt đầu hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các nhà máy cơ sở sản xuất phân bón với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty cổ phần môi trường Đại Nam - Số Vimcerts 288);

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- 3 "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.1679/28.02.2025

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP-Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.191
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 12/02/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 21:2009/BTNMT
				KT04	Cột B
1	Lưu lượng ^(f)	-	m ³ /h	763.000	-
2	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	63	-
3	Bụi tổng (PM) ^(e)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	20	160
4	NH ₃ *	JIS K 0099:2020	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)	40
5	Formandehyt (Formaldehyde)*	PD CENT/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,3)	20 ⁽¹⁾

- Vị trí lấy mẫu:

- KT-04: Khí thải tháp tạo hạt.

Tọa độ: X= 1171542, Y= 421866

- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học

- Cột B: Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với: Các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hoá học bắt đầu hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các nhà máy cơ sở sản xuất phân bón với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- ⁽¹⁾ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- ^(e): Ống khói không thuộc phạm vi thực hiện quan trắc, phân tích theo US EPA Method 05. Chỉ tiêu thực hiện theo yêu cầu khách hàng, kết quả mang tính chất tham khảo, không phục vụ cho đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng.

- ^(f): Ống khói không thuộc phạm vi thực hiện quan trắc. Kết quả do khách hàng cung cấp mang tính chất tham khảo, không phục vụ cho đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng.

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty cổ phần môi trường Đại Nam - Số Vimcerts 288);

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.1680/28.02.2025

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP-Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.191
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 12/02/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				KT05	
1	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=1,14)	1.000 ⁽¹⁾
2	Formandehyt (Formaldehyde)*	PD CENT/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,3)	20
3	Methanol*	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)	260

- Vị trí lấy mẫu:

- KT-05: Ống khói 20SK2201.

Tọa độ: X= 1171650, Y= 0421603

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- ⁽¹⁾: QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty cổ phần môi trường Đại Nam - Số Vimcerts 288);

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Chu Thị Chi

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- 3 "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.1676/28.02.2025

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP-Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.167
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 11/02/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 21:2009/ BTNMT
				KT07	Cột B
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	45	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	249.360	-
3	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=2,62)	500
4	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	3,06	850
5	Bụi tổng (PM)*	US EPA Method 5	mg/Nm ³	24,6	200

- Vị trí lấy mẫu:

- KT07: Ống khói lò hơi 80PK4003/SK1.

Tọa độ: X= 1171802, Y= 0421493

- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học

- Cột B: Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với: Các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hoá học bắt đầu hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các nhà máy cơ sở sản xuất phân bón với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

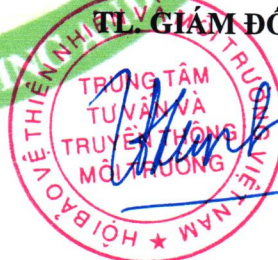
- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty cổ phần môi trường Đại Nam - Số Vimcerts 288);

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Chu Thị Chi



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Liên Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- 3 "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.cec.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.1675/28.02.2025

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP-Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.167
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 11/02/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 21:2009/BTNMT
				KT06	Cột B
1	Áp suất (Độ chênh áp suất)	CEC.QTMT.KT-05	mmH ₂ O	2	-
2	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	147	-
3	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	6.840	-
4	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=2,62)	500
5	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	64,43	850
6	Bụi tổng (PM) *	US EPA Method 5	mg/Nm ³	34,8	200
7	H ₂ SO ₄ *	US EPA Method 8	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,3)	50
8	NH ₃ *	JIS K 0099:2020	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)	50
9	Tổng Florua*	US EPA Method 13A	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,05)	20

- Vị trí lấy mẫu:

- KT06: Ống khói 70SK2001. Tọa độ: X= 1171825, Y= 0421443

- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học

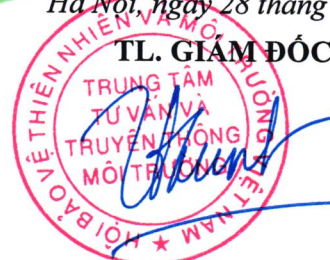
- Cột B: Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với: Các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hoá học bắt đầu hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các nhà máy cơ sở sản xuất phân bón với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty cổ phần môi trường Đại Nam - Số Vimcerts 288);

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi



PHÓ GIÁM ĐỐC

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 “-”: Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00368/2025/PKQ

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.366
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 17/03/2025 Thời gian thử nghiệm : 17/03/2025 - 01/04/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT	Tiêu chuẩn KCN
				NT-01	Cột B	Phú Mỹ 1
1	Lưu lượng	CEC.QTMT.N-09	m ³ /h	3.112	-	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,4	5,5 ÷ 9	5 ÷ 9
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	29,5	40	≤45
4	Độ màu	TCVN 6185:2015	Pt/Co	16	150	700
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	30	100	300
6	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	20	50	500
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	42	150	800
8	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1,2	10	20
9	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	mg/L	10	40	110
10	Tổng Phospho	TCVN 6202:2008	mg/L	0,97	6	28
11	Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	KPH (MDL=0,1)	2	2,4
12	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,5	0,5
13	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-.B&D:2023	mg/L	KPH (MDL=0,03)	10	10
14	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,5	0,5
15	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,27	5	120
16	Crom VI (Cr ⁶⁺)	SMEWW 3500 Cr B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,1	0,1
17	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500 Cr B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	1	1
18	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,08	2	2
19	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,13	3	3
20	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,13	0,5	1
21	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0009)	0,01	0,01

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- "-": Không quy định
- KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ – Q. Đống Đa – Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

22	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0004)	0,1	0,1
23	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,5	0,5
24	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,1	0,1
25	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,09	1	1
26	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	3,2	10	12
27	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	$1,7 \times 10^3$	5.000	10×10^7

- Vị trí lấy mẫu:

- NT-01: Nước làm mát thải.

Tọa độ: X= 1172182, Y= 0421404

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Tiêu chuẩn KCN Phú Mỹ 1: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Mỹ 1.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Thay

Vũ Thanh Thảo

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ – Q. Đống Đa – Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00369/2025/PKQ

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.366
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 17/03/2025 Thời gian thử nghiệm : 17/03/2025 - 01/04/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT	Tiêu chuẩn KCN
				NT-02	Cột B	Phú Mỹ 1
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	5,5 ÷ 9	5 ÷ 9
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	30,2	40	≤45
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	17	100	300
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	17	50	500
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	42	150	800
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1	10	20
7	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	mg/L	9	40	110
8	Tổng Phospho	TCVN 6202:2008	mg/L	1,64	6	28
9	Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	KPH (MDL=0,1)	2	2,4
10	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,5	0,5
11	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/L	KPH (MDL=0,03)	5	120
12	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,02)	2	2
13	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	2,9	10	12
14	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	1,2x10 ³	5.000	10x10 ⁷

- Vị trí lấy mẫu:

- NT-02: Nước thải công nghiệp sau xử lý (vị trí bể BA8).

Tọa độ: X= 1171730, Y= 0421606

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Tiêu chuẩn KCN Phú Mỹ 1: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Mỹ 1.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- "-": Không quy định
- KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00370/2025/PKQ

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.366
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 17/03/2025 Thời gian thử nghiệm : 17/03/2025 - 01/04/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT	Tiêu chuẩn KCN
				NT-03	Cột B	Phú Mỹ 1
1	Lưu lượng	CEC.QTMT.N-09	m ³ /h	0,36	-	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,0	5,5 ÷ 9	5 ÷ 9
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	30,5	40	≤45
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	24	100	300
5	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	14	50	500
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	32	150	800
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,6	10	20
8	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	mg/L	8	40	110
9	Tổng Phospho	TCVN 6202:2008	mg/L	1,8	6	28
10	Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	KPH (MDL=0,1)	2	2,4
11	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,5	0,5
12	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,09	5	120
13	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,02)	2	2
14	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	3,1	10	12
15	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	1x10 ³	5.000	10x10 ⁷

- Vị trí lấy mẫu:

- NT-03: Nước thải công nghiệp sau xử lý của Xưởng NPK.

Tọa độ: X= 1171718, Y= 0421249

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- **Tiêu chuẩn KCN Phú Mỹ 1:** Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Mỹ 1.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC


Vũ Thanh Thảo


PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00363/2025/PKQ

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.366
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 17/03/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 21:2009/ BTNMT
				KT-01	Cột B, Kp=0,8; Kv=1
1	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=1,14)	-
2	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	1,32	680

- Vị trí lấy mẫu:

- KT-01: Ống khói 10SK8001.

Tọa độ: X= 1171856, Y= 0421846

- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học

- Cột B, Kp=0,8; Kv=1: Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với: Các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hoá học bắt đầu hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các nhà máy cơ sở sản xuất phân bón với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Thao

Vũ Thanh Thảo

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00364/2025/PKQ

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.366
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 17/03/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 21:2009/ BTNMT
				KT-02	Cột B, Kp=0,8; Kv=1
1	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=1,14)	-
2	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	3,20	680

- Vị trí lấy mẫu:

- KT-02: Ống khói 10SK9001.

Tọa độ: X= 1171841, Y= 0421843

- QCVN 21:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học

- Cột B, Kp=0,8; Kv=1: Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với: Các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hoá học bắt đầu hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các nhà máy cơ sở sản xuất phân bón với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIỆM CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00365/2025/PKQ

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.366
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 17/03/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 21:2009/ BTNMT
				KT-03	Cột B, Kp=0,8; Kv=1
1	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=1,14)	-
2	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	2,07	680

- Vị trí lấy mẫu:

- KT-03: Ống khói 10SK2001.

Tọa độ: X= 1171854, Y= 0421887

- QCVN 21:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học

- Cột B, Kp=0,8; Kv=1: Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với: Các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hoá học bắt đầu hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các nhà máy cơ sở sản xuất phân bón với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00366/2025/PKQ

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.366
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 17/03/2025 Thời gian thử nghiệm : 17/03/2025 - 01/04/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 21:2009/ BTNMT
				KT-04	Cột B, Kp=0,8; Kv=1
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	65	-
2	Lưu lượng ^(f)	US EPA Method 2	m ³ /h	763.000	-
3	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=2,62)	400
4	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=1,14)	-
5	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	0,94	680
6	Bụi tổng (PM) ^(e)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	27	160
7	NH ₃	JIS K 0099:2020	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,6)	40
8	Formandehyt (Formaldehyde)*	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,3)	20 ⁽¹⁾

- Vị trí lấy mẫu:

- KT-04: Tháp tạo hạt.

Tọa độ: X= 1171542, Y= 0421866

- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học

- Cột B, Kp=0,8; Kv=1: Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với: Các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hoá học bắt đầu hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các nhà máy cơ sở sản xuất phân bón với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- ^(e): Ống khói không thuộc phạm vi thực hiện quan trắc, phân tích theo US EPA Method 05. Chỉ tiêu thực hiện theo yêu cầu khách hàng, kết quả mang tính chất tham khảo, không phục vụ cho đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng.

- ^(f): Ống khói không thuộc phạm vi thực hiện quan trắc. Kết quả do khách hàng cung cấp mang tính chất tham khảo, không phục vụ cho đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng.

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty cổ phần môi trường Đại Nam - Số Vimcerts 288).

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. “-”: Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00367/2025/PKQ

Khách hàng : Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Địa điểm quan trắc : Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn hàng : 25.366
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 17/03/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 21:2009/BTNMT
				KT-06-01	Cột B, Kp=0,8; Kv=1
1	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	153,90	-

- Vị trí lấy mẫu:

- KT-06-01: Ống khói lò hơi 80PK4003/SK1.

Tọa độ: X= 1171802, Y= 0421493

- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học
- Cột B, Kp=0,8; Kv=1: Quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hoá học làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép đối với: Các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón hoá học bắt đầu hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các nhà máy cơ sở sản xuất phân bón với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. “-”: Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025